

NHỮNG PHIÊN TOÀ TRONG TRUYỆN KIỀU

LÊ ĐÌNH CÚC*

Truyện Kiều là tác phẩm văn học vĩ đại, gần 10 thế kỷ văn học viết Việt Nam mới hun đúc nên. Nguyễn Du là nghệ sỹ thiên tài, riêng chuyện luật pháp ông viết trong *Truyện Kiều* đã phản ánh cả một nền văn hoá Việt Nam suốt cả chiều dài lịch sử hàng nghìn năm.

Lịch sử văn học Việt Nam đến thế kỷ XVIII mới chỉ có mẹo xử án dân gian: *Trê Cóc*, *Phạm Công - Cúc Hoa*, *Phạm Tải - Ngọc Hoa* hay *Trạng Quỳnh* ăn trộm mềo của chúa, chứ chưa có một tác phẩm nào viết về các phiên tòa như *Truyện Kiều*.

Ngoài các giá trị to lớn của *Truyện Kiều*, nếu xét từ góc độ viết về pháp luật, thì đây là một cuốn sách viết về vụ án và tư pháp đầu tiên của văn học trung đại Việt Nam.

Trong nhiều vụ án của *Truyện Kiều* chúng ta dừng lại ở *ba phiên tòa* với các hình thức xét xử khác nhau sau đây:

Phiên tòa thứ nhất xét xử Sở Khanh về tội lừa đảo, mưu mô với Tú Bà dùng thủ đoạn tinh vi để lừa Thúy Kiều đi trốn.

Sau khi gia đình Thúy Kiều bị vu oan, cha và em nàng bị treo lên xà nhà đánh đập, tra khảo dã man, nàng đã phải bán mình để lấy tiền dứt lốt cho bọn sai nha. Nàng bị lừa là được cưới về làm vợ Mã Giám Sinh, nhưng thực ra là bị bán cho Tú Bà làm gái mại dâm. Đến Lâm Tri, Thúy

Kiều mới biết. Nàng đã chống lại và bị Tú Bà đánh đập tàn nhẫn. Để bảo vệ trinh tiết và nhân phẩm, Thúy Kiều đã tự tử. Trước sự việc đó, Tú Bà đã "*Bắn bật mắt nhìn hồn bay*". Mụ run "bắn bật" không phải vì thương xót Thúy Kiều, mà mụ sợ nàng chết thì mụ mất vốn. Cho nên, "*Tú Bà chực sẵn bên màn, lựa lời khuyên giải mon man gỡ dân*". Mụ dùng bài dụ dỗ, đánh vào tâm lý ham sống và hy vọng của con người:

Một người dễ có mấy thân

Hoa phong nhị ngày xuân còn dài.

Mụ nhận lỗi là mình *lâm lỡ*:

Cũng là lỡ một lâm hai

Mụ hứa không đối xử tàn nhẫn với Thúy Kiều nữa:

Đá vàng sao nỡ ép nài mây mưa

Mụ mở ra nhiều hy vọng cho Thúy Kiều với lời hứa hẹn:

Khóa xuân buông để đợi ngày đào non

Người còn thì của hãy còn

Tìm nơi xứng đáng làm con cái nhà

Rằng sẽ gả chồng xứng đáng cho Thúy Kiều, vì nếu nàng tự tử thì "*thiệt mình* (Thúy Kiều) *mà hại đến ta* (Tú Bà) *hay gì*".

Trước những lời ngon ngọt của Tú Bà, tin vào những điều mụ khuyên bảo, dễ dàng và tin vào những lời hứa của mụ cũng như tin vào "*thần mộng mấy lời*" của Đạm Tiên đã báo trước cho nàng mà Thúy Kiều

* Phó giáo sư, tiến sỹ, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam.

tiếp tục sống. Nàng chấp nhận yêu cầu của Tú Bà:

Được như lời thề là may

Như vậy về lý Thúy Kiều đã cam kết, chấp nhận sống tại đây (lầu xanh) của Tú Bà và cũng từ đó, mục Tú Bà giảng bày để Thúy Kiều vi phạm sự cam kết đã có, để đẩy nàng vào vị trí phải chấp nhận những điều kiện do mục đặt ra sau đó. Và tình tiết vụ án xảy ra là Sở Khanh dụ dỗ Thúy Kiều đi trốn theo kịch bản của Tú Bà như ta đã biết. Nàng đi trốn với Sở Khanh, rơi vào bẫy của Tú Bà, bị bắt lại, nàng bị đánh đập hành hạ hết sức dã man:

Tú Bà tóc trắng đến nơi

Âm ỉm áp điệu một hơi lại nhà

Hung hăng chẳng nói chẳng tra

Giang tay đập liễu vùi hoa toi bời.

Đến nỗi Thúy Kiều “*Uốn lưng thịt nát, cắt đầu máu sa*”. Và phiên tòa xét xử được mở ngay tại lầu xanh. Phiên tòa không có quan tòa. Thúy Kiều vừa là quan tòa, vừa là nạn nhân. Đó không phải là phiên tòa pháp đình, mà là phiên tòa dư luận và lương tâm. Chính Tú Bà là thủ phạm, chủ mưu gây nên tội ác hãm hại người, lại đi đánh đập người ta. Và Sở Khanh là đồng phạm mà cũng là thủ phạm trong vụ án này. Hắn là kẻ “*Bạc tình nổi tiếng lầu xanh*” và đã nhiều lần làm cái trò độc ác này rồi “*Một tay chôn biết mấy cành phù dung*”, được Tú Bà thuê “*Có ba mươi lạng trao tay*”. Hắn đã bị mọi người phỉ nhổ khi “*mặt mo vác vào*” để chối tội, để thanh minh. Thúy Kiều đã vạch mặt và xét xử tội trạng của Tú Bà và Sở Khanh. Nàng vạch

tội Sở Khanh và đưa ra chứng cứ là tờ “*Tích Việt*” khi hắn chối tội và khẳng định:

Dem người đẩy xuống giếng khơi

Nói lời rồi lại ăn lời được ngay

Còn tiên “Tích Việt” ở tay

Rõ ràng mặt ấy mặt này chứ ai.

Phiên tòa này tuy không phải ở tòa án, nhưng cũng không phải chỉ có mỗi Thúy Kiều và Sở Khanh, mà còn có đông người. Sự kiện trên được nhiều người chứng kiến: “*Lời ngay đông mặt trong ngoài*” và dư luận đồng tình lên án Sở Khanh: “*Kẻ chê bất nghĩa người cười vô lương*”. Trước bản án của dư luận xã hội: “*Phụ tình án đã rõ ràng*”. Trước chứng lý rõ ràng, trước dư luận của quần chúng, Sở Khanh đã phải “*kiếm đường tháo lui*”, chạy trốn vì hắn đã làm những việc đáng xấu hổ, dơ bẩn, “*dơ tuồng*”.

Sở Khanh bẽ mặt, hết đường chối tội, nhưng rồi kết quả phiên tòa chỉ là như Kiều tuyên án, một câu nói, nói mát rồi cho qua:

Nàng rằng thôi thế thì thôi

Rằng không thì cũng vâng lời rằng không.

Tức là tội ác không bị trừng phạt, kẻ tội phạm là Tú Bà và Sở Khanh vẫn nhởn nhơ ngoài vòng pháp luật để lại tiếp tục gây tội ác. Dù Thúy Kiều có lẽ phải, có đạo lý, nhưng vì xã hội thời nàng Kiều không có công lý và sức mạnh của pháp lý, nên vụ án đã phải khép lại, để nỗi ám ức cho chúng ta đến hôm nay. Tuy vậy, hiệu quả của phiên tòa này là hết sức to lớn. Cái tên Sở Khanh đã là biểu tượng cho những kẻ bất lương, lừa đảo, hèn hạ và trơ trẽn trong cuộc sống. Đến nỗi để chỉ một loại người

tội tệt, đều giả, đáng phỉ nhổ, người đời chỉ cần nói: Đồ Sở Khanh là đủ.

Phiên tòa thứ hai xét xử ông bố Thúc Sinh kiện Thúy Kiều. Đây là phiên tòa thú vị. Ở phiên tòa này, Thúy Kiều là bị đơn bởi nàng là “gái lầu xanh” mà lại dám lấy chồng. Theo dư luận và tâm lý xã hội thời đó, gái lầu xanh là bất lương, là phường “mèo mả gà đồng”, không được ai tôn trọng và pháp luật lại càng không bảo vệ. Theo Thúc Ông (nguyên đơn), con trai ông hư hỏng là vì gái lầu xanh quyến rũ. Gia phong nhà ông bại hoại là vì con trai cưới gái đĩ làm vợ. Và hơn nữa, gia đình ông là một gia đình thương gia “môn đăng hộ đối” với “*họ Hoạn danh gia*” thông gia với “*quan Lại Bộ*” chứ có vừa đâu. Ta phải biết rằng, trong văn hóa Nho giáo phương Đông và ở Việt Nam, thì cái *danh* là to lắm, quan trọng lắm, nhiều khi còn quan trọng hơn cả mạng sống. Tài sản nhà ông khánh kiệt vì con ông: “*Thúc Sinh quen thói bốc rời - Trăm nghìn đổ một trận cười như không*”. Ông làm nghề buôn bán, đồng tiền phải được coi trọng trên hết, thế mà con trai ông lại dám dùng tiền bao gái. Cho nên, khi biết chuyện Thúc Sinh lấy Thúy Kiều làm vợ lẽ, ông đã “*Phong lôi nổi trận bời bời*” và “*nặng lòng e ấp*” (ông thương con mình) nên “*tính bài phân chia*”. Ông kiện Thúy Kiều ra tòa vì những tội trạng trên. Một phiên tòa có bị đơn, có nguyên đơn, lại có cả người biện hộ giống như một luật sư, có ông quan tòa. Nguyên đơn có đơn gửi tòa: “*Sốt gan ông mới đơn quỳ cửa công*”. Tòa án có *trát* triệu tập đương

sự: “*Phủ đường sai lá phiếu hồng thôi tra*”. Phiên tòa được khai mạc, cả nguyên đơn, bị đơn, người biện hộ đều có mặt:

Cùng nhau theo gót sai nha

Song song đến trước sân hoa lay quỳ.

Quan tòa xử án là một người: “*Trông lên mặt sắt đen sì*”. Ông quan tòa quát tháo, tạo không khí quyền lực của pháp luật và tôn nghiêm của phiên tòa:

Lập nghiêm trước hãy ra uy nặng lời.

Nghĩa là ông quát tháo, hạch hỏi, *thôi tra*, buộc tội tội phạm (là Thúy Kiều): “*Mà con người thế ra người đong đưa - Tuồng chi hoa thải hương thừa - Mượn màu son phấn đánh lừa con đen*”. Tội của Thúy Kiều là gì? “*Tội đong đưa*”, “*tội đánh lừa*”, tội “*hoa thải hương thừa*” và chủ ý lừa gạt vì người bị lừa là “*Gã kia đại nét chơi bời*” (nếu khôn nét chơi bời chắc không bị lừa!).

Ở phiên tòa này chỉ có quan tòa buộc tội, bị đơn không được trình bày, giải thích gì cả. Và quan tòa tuyên án luôn. Cái cách tuyên án của ông xem ra cũng kỳ cục quá. Chính ông khi luận tội Thúy Kiều đã thừa nhận:

Suy trong tình trạng nguyên đơn

Bề nào thì cũng chưa yên bề nào.

Nghĩa là mọi sự chưa rõ ràng, dứt khoát, ấy mà ông cứ tuyên án, nhưng là tuyên án nước đôi:

Một là cứ phép gia hình

Nghĩa là phạt đánh đòn thật đau.

Hai là lại cứ lầu xanh phó về.

Hoặc là trả về lầu xanh. Theo luật pháp, nếu có tội thuộc khung hình phạt nào của

luật (ở trên ông nói “*Phép công chiếu án luận vào*”) thuộc điều nào thì tòa xử theo điều ấy. Tại sao lại hoặc thế này, *một là* hoặc thế kia *hai là*, và rồi “tội nhân” Thúy Kiều vì kinh sợ lâu xanh nên chọn điều *một là*:

Yếu nhân xin chịu trước sân loi đình.

Nàng chấp nhận bị đánh theo lời tuyên án. Thế là quan tòa tuyên án “*cứ phép gia hình*” bằng cách chập ba cây roi làm một để đánh đập Thúy Kiều đến nỗi “*Một sân làm cát đã đầy - Gương mờ nước thủy mai gầy vóc sương*”. Thế rồi có một luật sư xuất hiện biện hộ cho Thúy Kiều ở phiên tòa, nhưng lại là nạn nhân của vụ kiện, là Thúc Sinh. Chứng kiến sự đánh đập, tra tấn tàn nhẫn của quan tòa, chàng đã minh oan cho Thúy Kiều và nhận tội về mình:

Khóc rằng oan khóc vì ta

Có nghe lời trước chẳng đà lụy sau.

Cạn lòng chẳng biết nghĩ sâu

Để ai trắng tui hoa sâu vì ai.

Hóa ra trước khi Thúc Sinh cưới Thúy Kiều làm vợ lẽ, nàng đã từ chối, đã khuyên nhủ Thúc Sinh rằng:

Thiếp như hoa đã lìa cành

Chàng như con bướm liệng vành mà chơi.

Chúa xuân đành đã có nơi.

Chơi bời thôi. Chàng đã có gia đình, đừng tính chuyện cưới vợ lẽ. Trước lời cầu hôn tha thiết của Thúc Sinh: “*Tám riêng riêng những nặng vì nước non*”, Thúy Kiều đã nói rõ, chàng đã có vợ: “*Vả trong thềm quế cung trăng - Chủ trương đành đã chị Hằng ở trong*”.

Thúy Kiều biết làm vợ Thúc Sinh là tranh chồng người khác, phá hoại hạnh phúc gia đình người khác. Nàng xác định, nếu lấy Thúc Sinh là:

Trăm điều ngang ngửa vì tôi

Thân sau ai chịu tội trời ấy cho.

Thậm chí nàng đã nghĩ xa hơn ở chỗ là, chàng còn bố, chàng đã hỏi ý kiến bố chưa, bố có đồng ý và có thương không mà nói chuyện cưới vợ lẽ:

Ở trên còn có nhà thung

Lượng trên trông xuống biết lòng có thương.

Nghĩa là, Kiều đã cố hết sức mình để không *phạm tội*. Nàng biết, nếu sự việc vỡ lở thì sự việc khôn lường là: “*Lại càng dơ dáy đại hình*”. Nàng phải chịu, nhưng sẽ là nghiêm trọng hơn, đây là ảnh hưởng đến gia đình Thúc Sinh:

Đành thân phận thiếp ngại danh giá chàng.

Nhưng Thúc Sinh đã không nghe lời Kiều khuyên bảo. Chàng yêu Thúy Kiều thật lòng. Bị nàng từ chối, Thúc Sinh tuyên bố là chàng chịu mọi trách nhiệm về sau:

Đường xa chớ ngại Ngô Lào

Trăm điều hãy cứ trông vào một ta.

Rồi ghê gớm hơn, quyết liệt hơn do Thúc Sinh đòi tự tử nếu Thúy Kiều từ chối:

Đá vàng cũng quyết phong ba cũng liều.

Và rồi Thúy Kiều phải chấp nhận cuộc hôn nhân để dẫn đến *tội* mà hôm nay nàng bị quan tòa xét xử. Ngoài những lời thề thốt của một gã con trai đi tán gái mà Thúc Sinh đã nói, đã thề nguyện và hứa rất kêu trên đây, thì quả tình Thúc Sinh rất yêu Thúy

Kiều, để rồi sau này mỗi tình ấy được Nguyễn Du viết nên đoạn thơ tình bất hủ, hay tuyệt vời khi Thúc Sinh chia tay Thúy Kiều về thăm vợ cả : “*Vàng trắng ai xẻ làm đôi - Nửa in gối chiếc nửa soi dặm trường*”.

Thúc Sinh trình bày tại tòa và khẳng định Kiều không có tội, nếu có tội là do Thúc Sinh gây nên:

Tại tôi hứng lấy một tay

Để nàng cho đến nỗi này vì tôi.

Khi đó quan tòa mới biết rằng nàng đã bị xử oan. Nhưng chuyện đời thường thấy, có vị quan nào biết sai và lại nhận lỗi về mình? Ngài chỉ “*Đẹp uy mới liệu cho bài vân vi*”, chỉ thừa nhận rằng, Thúy Kiều “*trắng hoa đường cũng thị phi biết điều*”. Rồi khi nghe Thúc Sinh trình bày rằng, “*Theo đòi và cũng ít nhiều bút nghiên*”, thì ông quan tòa có lý do để xử lại vụ án. Ông quan này “*Trông lên mặt sắt đen sì*”, nhưng lại thích và yêu văn nghệ. Ông xử án lạ lùng theo cách của ông, mà chắc chắn không có điều khoản nào ghi trong bộ luật nào cả:

Cười rằng đã thế thì nên

Mộc già hãy thử một thiên trình nghệ.

Cô biết làm thơ à? Thì thử làm một bài thơ vịnh cái gông xem sao. Thúy Kiều đã làm bài thơ vịnh cái gông đang đeo ở cổ nàng. Với tài thơ của mình, nàng đã làm cho quan tòa kinh ngạc và kính phục:

Khen rằng đáng giá thịnh Đường

Tài này sắc ấy nghìn vàng chưa cân.

Lời đánh giá ấy cũng xứng đáng với tài và sắc của Thúy Kiều, nhưng thú vị hơn

là, ông quan tòa đã xóa án oan cho Thúy Kiều và tuyên án lại:

Thực là tài tử giai nhân

Châu Trần nào có Châu Trần nào hơn.

Thôi đừng rước dữ cưu hờn

Làm chi lỡ dịp cho đòn ngang cung.

Ông quan tòa đã xử hòa mà không sợ chống án hoặc kháng cáo, bởi ông biết ở cái xã hội phong kiến nhiều nhưng, tranh tối tranh sáng này, không ai thích kiện cáo. Ông quan tòa là đại diện cho giai cấp cầm quyền muốn xử thế nào thì xử. Vả lại, ông quan tòa yêu văn thơ này thừa hiểu tâm lý người Việt Nam sống với nhau: “*Một trăm cái lý không bằng một tí cái tình*”. Cho nên ông mới phán:

Đã đưa nhau đến cửa công

Bề ngoài là lý song trong là tình.

Không những ông không buộc tội, xử tội ai cả, mà còn đưa ra hướng giải quyết cho đương sự:

Dâu con trong đạo gia đình

Thôi thì đẹp nỗi bất bình là xong.

Và kết quả vụ kiện là “*Thúc Ông thôi cũng dẹp lời phong ba*” để rồi ông quan tòa lại đứng ra làm chủ hôn cho Thúy Kiều và Thúc Sinh:

Kíp truyền sắm sửa lễ công

Kiếp hoa cát giá đuốc hồng ruổi sao.

Phiên tòa thứ ba là “Thúy Kiều báo ân báo oán”. Đây là phiên tòa lớn nhất trong *Truyện Kiều*, là phiên tòa đòi hỏi và thực hiện công lý. Ta điểm qua các đương sự của vụ án, những bên nguyên, bên bị và

những người có liên quan để thấy vụ án này được xét xử thế nào. Trước hết, bên nguyên là Thúy Kiều và cũng là người ngồi ghế chánh án để xét xử, tức vừa là hành pháp, vừa là tư pháp. Đến lúc này, Thúy Kiều đã 10 năm lênh đênh trôi nổi, đã trải qua bao đập vùi đau đớn, đã nếm đủ mọi đau khổ và nhục nhã. Bị lừa gạt ngay khi ở nhà để rồi phải bán cho Tú Bà - Mã Giám Sinh. Bị Sở Khanh lừa đảo, bị Tú Bà đánh đập dã man rồi nàng gặp được Thúc Sinh, được yêu thương, được chàng cưới làm vợ, nhưng rồi lại rơi vào tai ách của Hoạn Thư. Mỗi tình của Thúc Sinh với nàng đã làm cho Hoạn Thư ghen. Trong cơn ghen tuông kinh khủng của Hoạn Thư, Thúy Kiều bị bọn tay sai của Hoạn Bà bắt về hành hạ, đánh đập rồi đẩy sang nhà Hoạn Thư làm nô tỳ. Sự trả thù ghê sợ nhất của Hoạn Thư là ở chỗ Hoạn Thư bắt Thúy Kiều hầu hạ vợ chồng mình: "*Bắt khoan bắt nhặt đến lời, bắt quỳ tận mặt bắt mời tận tay*". Bị Hoạn Thư hành hạ cả thể xác lẫn tinh thần, nàng đã trốn khỏi nhà Hoạn Thư, được vãi Giác Duyên ở chùa cứu mang. Nhưng rồi Thúy Kiều lại rơi vào hang ổ của bọn Bạc Bà, Bạc Hạnh. Ở đây, Thúy Kiều gặp Từ Hải, một người đàn ông "*Râu hùm hàm én mày ngài - Vai năm tấc rộng thân mười thước cao*", với sức mạnh "*Đánh quen trăm trận sức dư muôn người*", một nghệ sỹ "*Guơm đàn nửa gánh non sông một chèo*". Như vậy, cuộc đời nàng đến lúc này đã nếm đủ mọi đắng cay và hạnh phúc...

Đương sự thứ hai, bị đơn của vụ án "*Chính danh thủ phạm tên là Hoạn Thư*".

Vụ ghen tuông của Hoạn Thư trong *Truyện Kiều* là vụ ghen tuông lớn nhất trong văn học trung đại Việt Nam. Hơn 200 năm nay, người đời vẫn lên án Hoạn Thư và bênh vực Thúy Kiều...

Nhưng Thúy Kiều sau khi bị lừa bán vào lầu xanh của mẹ Tú Bà, bỏ trốn không thoát, đã phải khuất phục: "*Thân lươn bao quản lấm đầu - Chút lòng trinh bạch từ sau xin chữa*", để làm gái mại dâm và đã gặp Thúc Sinh, được Thúc Sinh yêu và cưới làm vợ lẽ. Hoạn Thư là vợ của Thúc Sinh, biết chuyện và đã ghen tuông, nhưng cái sự ghen của nàng thể hiện một nhân cách đáng cho ta suy nghĩ...

Khi gia đình và hạnh phúc của nàng bị xâm phạm và bị đe dọa tan vỡ, Hoạn Thư đã bảo vệ bằng cách của nàng. Nàng bảo vệ danh dự gia đình bố mẹ. "*Họ Hoạn danh gia*" có địa vị cao sang trong xã hội, bố Hoạn Thư là "*quan Lại bộ*" (Bộ trưởng Bộ Văn hóa). Gia đình nàng là gia đình nền nếp. Nhà chồng là thương gia giàu có, chồng lại là trí thức... Như mấy năm sau, khi Kim Trọng đi tìm Thúy Kiều vẫn nghe người ta nói trân trọng về Thúc Sinh "*Chuyện này hỏi Thúc Sinh viên mới tường*". Gia phong, gia lễ, gia đạo của Hoạn Thư là đáng nể. Riêng nàng, cụ Nguyễn Du cũng thừa nhận "*Ở ăn thì nét cũng hay*". Là con nhà có học nên tuy ghen tuông, nhưng nàng biết giữ danh dự và uy tín cho chồng, cho gia đình chồng. Khi chuyện gia đình vỡ lở, Hoạn Thư biết chịu đựng cơn "*Ngứa ghê hờn ghen*" do chồng nàng và Thúy Kiều gây ra: "*Nỗi lòng kín chẳng ai hay - Ngoài tai để mặc gió bay mé ngoài*". Vừa để dẹp dư luận, vừa để

bảo vệ danh dự cho gia đình nàng, vừa giữ kín âm mưu về sau, nàng không hề day nghiêng, dấn vật, xỉ vả chồng như những người đàn bà ghen tuông khác. Tuy biết chuyện chồng mình đã cưới vợ khác, nhưng nàng vẫn:

Lời tan hợp, nổi hàn huyền

Chữ tình càng mặn chữ duyên càng nồng.
(Nghĩa là, tình cảm vợ chồng nàng vẫn mặn vẫn nồng).

Sau khi Thúy Kiều bị mẹ con nàng bắt, nhà cửa Thúc Sinh bị thiêu cháy, chàng về quê lần thứ 2, lần này Thúy Kiều đã bị bắt về, ở trong nhà Hoạn Thư. Hoạn Thư vẫn vốn vã đón chồng:

Tiểu thư nghênh đón dãi dề

Hàn huyền đã đủ mọi bề gần xa.

Hoạn Thư là người có bản lĩnh và rất yêu chồng, cương quyết giữ chồng, nên nàng không làm cho chồng bề mặt. Nhưng dù sao nàng cũng là người phụ nữ, như nàng thừa nhận sau này: “*Rằng tôi chút phận đàn bà*”, “*Ghen tuông thì cũng người ta thường tình*”. Nàng hành hạ Thúy Kiều cũng là vì ghen, vì bảo vệ gia đình mình, mà bất cứ người vợ nào yêu thương chồng, trân trọng hạnh phúc và danh dự gia đình cũng phải làm, tuy hình thức và ở mức độ có khác. Hoạn Thư bắt Thúy Kiều đánh đàn hầu hạ vợ chồng nàng (nhưng xin nhớ, dưới con mắt nàng, một bậc mệnh phụ phu nhân, thì Thúy Kiều lúc đấy chỉ là một cô gái lầu xanh) để hả cơn ghen, nhưng rồi cũng chính nàng mở đường sống, tha cho Thúy Kiều và đưa Thúy Kiều vào cõi Phật.

Hoạn Thư là người có học trong một gia đình có văn hóa. Không ai trong mấy chục nhân vật trong *Truyện Kiều* hiểu và đánh giá đúng tài sắc và đức độ của nàng Kiều như Hoạn Thư. Hoạn Thư ca ngợi Thúy Kiều ngay trước mặt chồng nàng (xin nhớ Thúy Kiều là người gây ra đổ vỡ hạnh phúc của Hoạn Thư):

Giá này dầu đúc nghìn vàng cũng nên.

Hoạn Thư rất thông cảm với Thúy Kiều:

Hữu tài thương nổi vô duyên lạ đời.

Hoạn Thư vẫn xót thương Thúy Kiều:

Rằng tài nên trọng mà tình nên thương.

Khi bắt gặp chồng mình lại lên lút gặp người tình ở chùa, sau vườn nhà mình, chứng kiến chồng mình và Thúy Kiều tình tự, nàng đã làm ngơ.

... bà đến đã lâu

Nhón chân đứng nép độ đầu nửa giờ

Rành rành kể tóc chân tơ

Mấy lời nghe hết đã dư tỏ tường.

Nghĩa là, Hoạn Thư đã nghe, đã biết hết, nhưng nàng không chấp, bỏ qua. Khi xem những bản kinh Thúy Kiều chép ở Quan Âm Các, Hoạn Thư đã thừa nhận tài năng của Thúy Kiều, khen ngợi, đề cao tình địch của mình trước mặt chồng:

Khen rằng bút pháp đã tinh

So vào với thiếp Lan Đình nào thua.

Rồi ngay sau đó, dù Thúy Kiều ăn cắp chuông vàng, khánh bạc nhà Hoạn Thư và bỏ trốn nhưng nàng cũng bỏ qua, không truy đuổi: “*Đến khi khỏi cửa dứt tình chẳng theo*”.

Vụ án này được xét xử liên quan đến tất cả nhân vật đã gây ra đau khổ cho Thúy Kiều, từ Mã Giám Sinh, Tú Bà, Sở Khanh, Bạc Hạnh, Bạc Bà đến bọn Ứng Khuynh, Hoạn Thư, cũng như những người được nài báo ân là Thúc Sinh, Vãi Giác Duyên, Sư trưởng.

Tuy vậy, vụ án được xét xử chủ yếu tập trung giữa bên nguyên là Thúy Kiều và bên bị là Hoạn Thư. Thúy Kiều như đã nói ở trên, suy cho cùng, về mặt pháp lý đã cướp chồng người khác, phá hoại hạnh phúc gia đình và thanh danh của người khác. Ta thử hình dung trật tự xã hội phong kiến với văn hoá Nho giáo của thế kỷ XVIII, thì cái tội của Thúy Kiều gây ra không phải là nhỏ. Ấy vậy ở phiên tòa này, Thúy Kiều đáng lẽ phải là bị đơn, nhưng lại trở thành nguyên đơn, lại ngồi ghế quan tòa xử án.

Tuy vậy, trước những sự thật, chứng cứ rành rành và lý luận sắc bén, có sức thuyết phục của Hoạn Thư, Thúy Kiều đã nhận ra mình đuối lý. Nàng đã phải chấp nhận lời biện tội của Hoạn Thư và đã tha bổng cho mọi "tội trạng" của Hoạn Thư. Công lý đã thắng, lẽ phải đã thắng vì Hoạn Thư là người không có tội.

Ở đây ta thấy, Nguyễn Du cố tình tạo nên phiên tòa có nhiều điểm vô lý như cái xã hội phong kiến thời đó. Tòa án là nơi thể hiện sự trang nghiêm và chính danh của chính quyền. Nhưng ở đây các vị trí trong phiên tòa bị đặt nhầm chỗ. Người gây ra tội lỗi là Thúy Kiều thì ngồi ở ghế quan tòa xử án. Hoạn Thư là nạn nhân, lại là "thủ phạm". Như vậy thì không có công lý, không xét xử đúng người, đúng tội được.

Trước hết, phiên tòa không có chính danh. Cuộc khởi nghĩa của Từ Hải dù sau đó "*Huyện thành đập đổ năm tòa cõi nam*", tức là có chiếm được năm huyện thì vẫn chưa có chính quyền. Không có chính quyền, thì lấy đâu ra tòa án. Ở phiên tòa xét xử ấy không có quan tòa, người biện hộ. Không có luật pháp thì không có căn cứ xử án. Phiên xét xử này thực chất là chỉ dựa vào sức mạnh của Từ Hải, chứ không dựa vào luật pháp. Ngay sau khi báo ân báo oán, Thúy Kiều đã cảm ơn Từ Hải và chính Từ Hải thừa nhận:

Hướng chi việc cũng trong nhà.

Rõ rồi nhé, đây chỉ là việc trong nhà, là ân oán của Thúy Kiều mà thôi. Chính vì không có chính danh để có phiên xử án ấy nên Từ Hải đã:

Bất bình nổi trận đùng đùng sấm vang.

Nghiêm quân tuyền tướng sẵn sàng

Dưới cờ một lệnh vội vàng ruổi sao.

Ba quân chỉ ngọn cờ đào

Đạo ra Vô Tích đạo vào Lâm Tri .

Xem ra như phường tuồng, cuộc ra quân này có dáng dấp của Lương Sơn Bạc. Đem cả quân, cả tướng, có tiền quân, trung quân, hậu quân (Ba quân chỉ ngọn cờ đào) với hai đạo quân, ra Vô Tích, vào Lâm Tri để bắt được mấy đứa đầu trộm đuôi cướp, bảo kê nhãi nhép. Ở phiên tòa, Từ Hải còn thị uy ghê gớm hơn, những "*Quân trung giương lớn giáo dài*", nào là vệ ở trong, cơ ở ngoài, lại đem cả đại bác "bác đồng" bầy chặt đất, kéo tinh kỳ rợp sân để uy hiếp mấy kẻ bảo kê, buôn bán đàn bà. Dù ở vị trí hành pháp, chấp pháp trong vụ xử án,

nhưng bản chất phiên xử này như Thúy Kiều thừa nhận chỉ là nhờ cậy sức mạnh của Từ Hải để giải quyết ân oán:

Nàng rằng: " Muôn cậy uy linh

Hãy xin báo đáp ân tình cho phu

Báo ân rồi hãy trả thù".

Thế là rõ. Đây chỉ là cuộc báo thù và trả ơn dựa vào sức mạnh của người khác mà thôi. Chính vì đó không phải là phiên tòa của công lý, của công bằng, nên vị quan tòa xử án Thúy Kiều rất tùy tiện khi xét xử. Nàng đã xử tội chết những người tuy có tội lỗi với nàng, nhưng không đáng tội chết, đó là Mã Giám Sinh, Tú Bà, Sở Khanh, Bạc Hạnh, Bạc Bà và mấy thằng lính Ứng, Khuyển làm theo lệnh của Hoạn Bà, đến nỗi:

Máu rơi thịt nát tan tành

Ai ai trông thấy hồn kinh phách rời.

Hay khi báo ân, nàng quên người phải báo ân đầu tiên là ông Lại già họ Chung, người giúp cứu cha và em nàng trong vụ án thằng bán tơ vu khống. Nàng cũng quên Mã Kiều, người đầy tớ ở lầu xanh của Tú Bà đã từng viết tờ cung chiêu, bảo lãnh cho

nàng khỏi bị đánh đập sau vụ nàng bỏ trốn cùng Mã Giám Sinh, hay A Hoàn, người ở nhà Hoạn Bà, Hoạn Thư đã thông tin cho nàng biết mọi sự để nàng trốn đi...

Ba phiên tòa này là những minh chứng cho tình trạng xã hội, pháp luật, pháp lý Việt Nam thế kỷ XVIII. Nó cho ta thấy các phiên tòa xử án không dựa trên cơ sở pháp lý nào cả, mà chỉ dựa trên cảm tính, thói quen tập quán của văn hóa làng xã, của cộng đồng dân cư lúa nước, lấy tình cảm và sức mạnh đặt lên trên pháp luật. Nhưng trên hết, đó là tấm lòng nhân ái bao la của Nguyễn Du đã bênh vực cho nàng Kiều trong cơn hoạn nạn.

Tài liệu tham khảo

1. Đào Duy Anh, 2000. *Từ điển Truyện Kiều*, Nxb. Văn hoá - Thông tin, Hà Nội.
2. Lê Xuân Lít sưu tầm, tuyển chọn và giới thiệu, 2005. *Hai trăm năm nghiên cứu - bàn luận Truyện Kiều*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
3. Ngô Quốc Quýnh, 2010. *Thử tìm hiểu tâm sự Nguyễn Du qua Truyện Kiều*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.